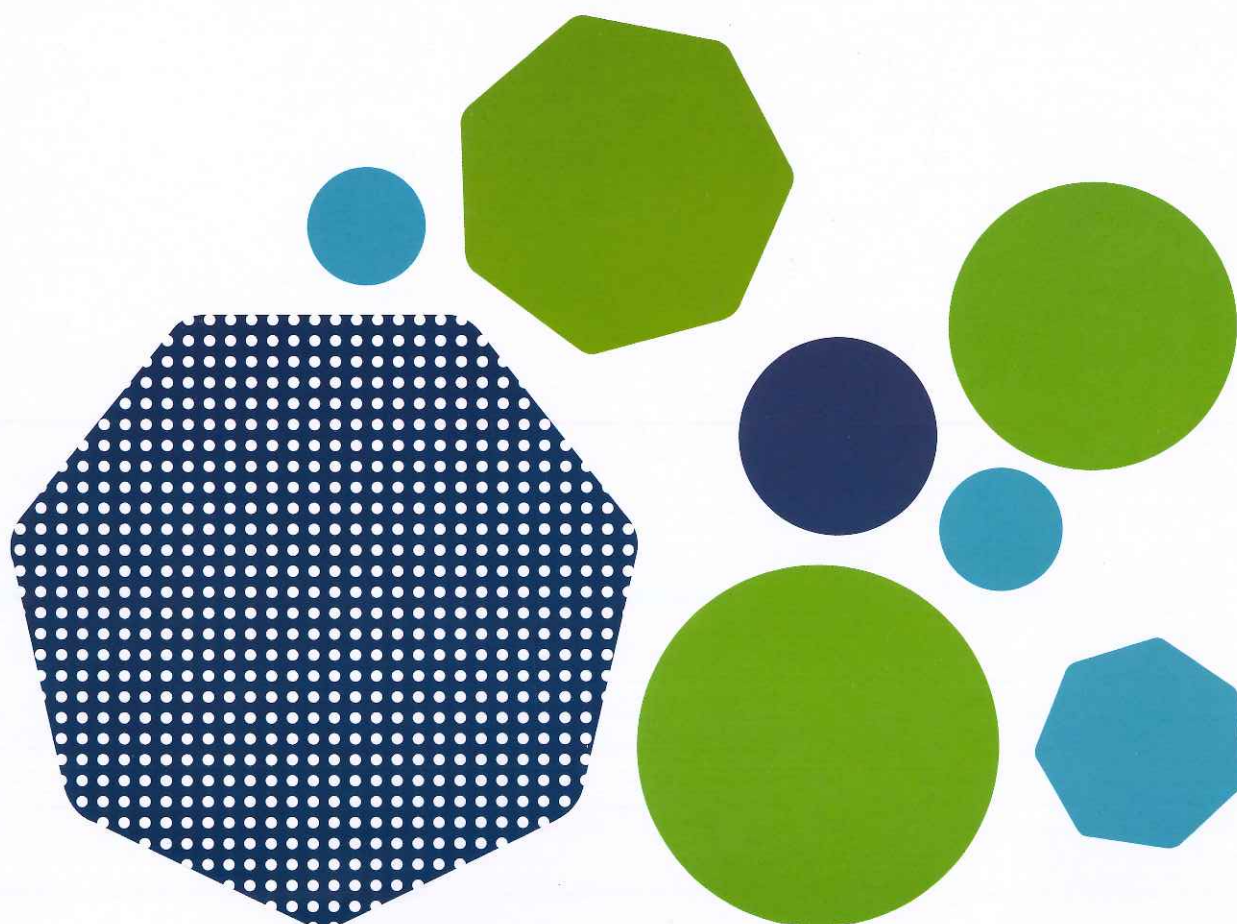


**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC  
VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC  
VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Hữu Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07/07/2022
Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên	
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên	
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022

#### **Ban Điều hành và Kế toán trưởng**

Ông Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành	Miễn nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng	

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Điều hành khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Vũ Hải Vinh**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Về Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam  
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022*

**Kính gửi:** Các cổ đông, Ban Điều hành  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 03 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Phạm Gia Đạt**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
Tại ngày 30/06/2022

Mẫu số B 01a - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>225.032.473.964</b>	<b>230.022.410.778</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	58.052.753.607	64.701.227.859
Tiền	111		9.852.753.607	11.501.227.859
Các khoản tương đương tiền	112		48.200.000.000	53.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.353.341.322	144.253.819.577
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	100.683.786.011	103.982.863.002
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	14	24.559.309.999	26.281.743.947
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		6.020.000.000	6.020.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	28.019.582.847	21.898.550.163
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.929.337.535)	(13.929.337.535)
Hàng tồn kho	140	9	17.092.481.137	16.700.810.581
Hàng tồn kho	141		17.092.481.137	16.700.810.581
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.533.897.898	4.366.552.761
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		143.685.313	157.631.941
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.345.082.082	4.163.790.317
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	45.130.503	45.130.503
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>290.413.705.113</b>	<b>304.103.537.508</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		96.245.200	96.245.200
Phải thu dài hạn khác	216	7	96.245.200	96.245.200
Tài sản cố định	220		46.547.429.871	47.110.802.517
Tài sản cố định hữu hình	221	10	28.778.289.871	29.341.662.517
- Nguyên giá	222		58.259.312.659	58.259.312.659
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.481.022.788)	(28.917.650.142)
Tài sản cố định vô hình	227	11	17.769.140.000	17.769.140.000
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.090.400)	(340.090.400)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	5.388.703.214	5.388.703.214
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.388.703.214	5.388.703.214
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	238.255.961.060	251.322.801.551
Đầu tư vào công ty con	251		299.518.746.692	299.518.746.692
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		78.969.568.728	78.969.568.728
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(140.232.354.360)	(127.165.513.869)
Tài sản dài hạn khác	260		125.365.768	184.985.026
Chi phí trả trước dài hạn	261		125.365.768	184.985.026
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>515.446.179.077</b>	<b>534.125.948.286</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
Tại ngày 30/06/2022

Mẫu số B 01a - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>65.939.128.447</b>	<b>71.298.473.565</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.329.128.447</b>	<b>70.723.473.565</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	43.960.362.832	38.836.141.482
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.454.441.361	8.838.775.345
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	13.472.646	195.325.254
Phải trả người lao động	314		2.961.563.541	3.444.961.980
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		277.110.000	277.110.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		426.750.000	425.547.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	8.643.804.869	8.698.019.232
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.584.030.426	10.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.592.772	7.592.772
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>610.000.000</b>	<b>575.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	610.000.000	575.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>449.507.050.630</b>	<b>462.827.474.721</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>449.507.050.630</b>	<b>462.827.474.721</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		38.679.596.792	38.679.596.792
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(27.172.546.162)	(13.852.122.071)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.852.122.071)	(18.195.697.740)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(13.320.424.091)	4.343.575.669
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>515.446.179.077</b>	<b>534.125.948.286</b>

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Tổng Giám đốc



Vũ Hải Vinh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B02a - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	72.289.987.882	33.216.028.049
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		72.289.987.882	33.216.028.049
Giá vốn hàng bán	11	20	67.148.426.191	29.410.656.210
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.141.561.691	3.805.371.839
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.772.546.921	5.212.546.075
Chi phí tài chính	22	22	13.204.098.189	(4.933.493.512)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		137.257.698	-
Chi phí bán hàng	25	23	161.713.560	230.715.693
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	11.845.070.954	11.790.407.001
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.296.774.091)	1.930.288.732
Thu nhập khác	31	24	-	100.136.501
Chi phí khác	32	25	23.650.000	48.987.879
Lợi nhuận khác	40		(23.650.000)	51.148.622
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(13.320.424.091)	1.981.437.354
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(13.320.424.091)	1.981.437.354

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng

Vũ Hải Vĩnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B03a - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		79.851.613.921	54.478.564.487
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(70.541.864.788)	(56.092.784.193)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(7.303.076.661)	(4.513.410.159)
Tiền lãi vay đã trả	4		(137.257.698)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.957.791.138	2.192.548.936
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.372.514.291)	(4.187.223.738)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.545.308.379)</b>	<b>(8.122.304.667)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(163.997.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.500.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.311.817.590	5.315.370.872
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.311.817.590</b>	<b>(4.348.626.128)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.494.367.530	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.910.337.104)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.415.969.574)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(6.649.460.363)</b>	<b>(12.470.930.795)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>64.701.227.859</b>	<b>81.178.659.385</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		986.111	(1.007.886)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>58.052.753.607</b>	<b>68.706.720.704</b>

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Tổng Giám đốc



Vũ Hải Vinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09a-DN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 05 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp lại số: 0100103351) ngày 04/12/2017 và thay đổi lần thứ 06 ngày 21/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ là 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2022 là 77 người (tại 31/12/2021 là 77 người)

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%
2	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%
3	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%
4	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%
5	Công ty Cổ phần công trình Viettronics	Tầng 5, toàn nhà Sudico, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65,00%
6	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	91,86%
<b>II</b>	<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%
2	Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%
3	Công ty CP Cơ Khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%
4	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%
5	Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	48BT3 – Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	Sản xuất, Thương mại và dịch vụ	49%
6	Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07 Khu công nghiệp Bình Xuyên II, Bá Hiến, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Sản xuất	41,74%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Tổng Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

*Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh*

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thoả thuận của hợp đồng liên doanh.
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết, liên doanh và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10% và thuế suất 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

**3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được Tổng Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	345.964.490	182.855.565
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.506.789.117	11.318.372.294
Các khoản tương đương tiền (*)	48.200.000.000	53.200.000.000
	<u>58.052.753.607</u>	<u>64.701.227.859</u>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty con	299.518.746.692	(118.684.667.370)	299.518.746.692	(107.899.549.312)
+ Công ty CP Điện tử Thủ Đức	75.462.731.429	(27.690.645.483)	75.462.731.429	(28.058.396.929)
+ Công ty CP Điện tử Bình Hoà	15.198.723.728	(1.296.123.728)	15.198.723.728	-
+ Công ty CP Viettronics Tân Bình	133.226.370.342	(58.690.818.344)	133.226.370.342	(49.373.874.342)
+ Công ty CP Điện tử Biên Hoà	35.073.921.193	-	35.073.921.193	-
+ Công ty CP Công trình Viettronics	13.000.000.000	(4.312.602.243)	13.000.000.000	(4.009.809.311)
+ Công ty CP Viettronics Công Nghiệp	27.557.000.000	(26.694.477.572)	27.557.000.000	(26.457.468.730)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	78.969.568.728	(21.547.686.990)	78.969.568.728	(19.265.964.557)
+ Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông	21.684.417.517	-	21.684.417.517	-
+ Công ty Cổ phần Viettronimex	13.987.729.333	-	13.987.729.333	-
+ Công ty Đầu tư Y tế Kỹ thuật cao Amec	1.276.595.137	(1.276.595.137)	1.276.595.137	(1.276.595.137)
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	-	2.278.518.130	-
+ Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	895.348.195	-	895.348.195	-
+ Công ty TNHH DM Vina	38.846.960.416	(20.271.091.853)	38.846.960.416	(17.989.369.420)
	<b>378.488.315.420</b>	<b>(140.232.354.360)</b>	<b>378.488.315.420</b>	<b>(127.165.513.869)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Thông tin các công ty con và Công ty liên doanh, liên kết:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	69.000.000.000	97,01%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	29.000.000.000	51,00%	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	119.820.500.000	55,54%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	60.000.000.000	51,00%	Sản xuất sản phẩm điện tử
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Tầng 5, toà nhà Sudico, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	18.316.367.858	65,00%	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện
Công ty Cổ phần Viettronics Công Nghiệp	Số 11B Phan Huy Chú, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	29.801.500.000	91,86%	Sản xuất sản phẩm điện tử
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	60.000.000.000	35,70%	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính
Công ty Cổ phần Viettronimex	74 - 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	25.780.000.000	42,16%	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử
Công ty Đầu tư Y tế Kỹ thuật cao Amec	48BT3 - Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	2.605.296.198	49,00%	Sản xuất, Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	6.119.100.000	33,77%	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	3.000.000.000	28,52%	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử
Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07 Khu công nghiệp Bình Xuyên II, Bá Hiến, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	91.688.000.000	41,74%	Sản xuất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

- Phải thu của khách hàng ngắn hạn**
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc
  - Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung
  - Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa
  - Tổng Công ty Sông Đà
  - Công ty Cổ phần AKA Việt Nam
  - Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội
  - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ
- Phải thu của khách hàng dài hạn**

- Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	100.683.786.011	(6.615.575.311)	103.982.863.002	(6.615.575.311)
	23.376.666.534	-	23.926.666.534	-
	21.760.293.600	-	-	-
	1.802.921.445	-	7.659.703.247	-
	10.349.075.976	-	11.349.075.976	-
	23.013.690.713	-	23.013.690.713	-
	1.550.280.380	-	6.972.961.710	-
	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000	(2.800.000.000)
	16.030.857.363	(3.815.575.311)	28.260.764.822	(3.815.575.311)
	-	-	-	-
	<b>100.683.786.011</b>	<b>(6.615.575.311)</b>	<b>103.982.863.002</b>	<b>(6.615.575.311)</b>
	23.673.705	-	23.673.705	-
	23.673.705	-	23.673.705	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.019.582.847</b>	<b>(2.459.411.224)</b>	<b>21.898.550.163</b>	<b>(2.459.411.224)</b>
- Tạm ứng	7.719.065.525	-	3.040.210.119	-
- Các khoản phải thu khác	20.300.517.322	(2.459.411.224)	18.858.340.044	(2.459.411.224)
+ Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.290.603.552	-	8.290.603.552	-
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	3.327.480.000	-	3.327.480.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	1.530.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	1.719.427.889	-	1.719.427.889	-
+ Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
+ Phải thu các đối tượng khác	630.778.308	(351.413.651)	718.601.030	(351.413.651)
<b>Dài hạn</b>	<b>96.245.200</b>	<b>-</b>	<b>96.245.200</b>	<b>-</b>
- Khoản phải thu Cổ phần hóa tại Trường CĐ nghề Viettronics	64.245.200	-	64.245.200	-
- Trung tâm dịch vụ Thuấn - Trường CĐ nghề Viettronics	32.000.000	-	32.000.000	-
	<b>28.115.828.047</b>	<b>(2.459.411.224)</b>	<b>21.994.795.363</b>	<b>(2.459.411.224)</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>14.867.511.441</b>	<b>-</b>	<b>13.337.511.441</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.290.603.552	-	8.290.603.552	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	3.327.480.000	-	3.327.480.000	-
- Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	1.530.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	1.719.427.889	-	1.719.427.889	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. NỢ XẤU**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	13.929.337.535	-	13.929.337.535	-
<i>Phải thu khách hàng</i>	6.615.575.311	-	6.615.575.311	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	1.161.897.311	-	1.161.897.311	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị	2.653.678.000	-	2.653.678.000	-
<i>Trả trước cho người bán</i>	4.854.351.000	-	4.854.351.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	-	4.854.351.000	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	2.459.411.224	-	2.459.411.224	-
- Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	-	2.107.997.573	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231.346.388	-	231.346.388	-
- Công ty CP Điện tử Hải Phòng	120.067.263	-	120.067.263	-
	13.929.337.535	-	13.929.337.535	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.038.361.137	-	16.646.690.581	-
Hàng hóa	54.120.000	-	54.120.000	-
	17.092.481.137	-	16.700.810.581	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đựng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2022	50.560.970.188	906.936.395	6.322.355.756	469.050.320	58.259.312.659
30/06/2022	50.560.970.188	906.936.395	6.322.355.756	469.050.320	58.259.312.659
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2022	(21.583.042.629)	(675.310.133)	(6.322.355.756)	(336.941.624)	(28.917.650.142)
- Khấu hao trong kỳ	(497.552.614)	(38.487.200)	-	(27.332.832)	(563.372.646)
30/06/2022	(22.080.595.243)	(713.797.333)	(6.322.355.756)	(364.274.456)	(29.481.022.788)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2022	28.977.927.559	231.626.262	-	132.108.696	29.341.662.517
30/06/2022	28.480.374.945	193.139.062	-	104.775.864	28.778.289.871

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2022 là 16.398.069.428 đồng (Tại 01/01/2022 là 11.340.760.375 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2022	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
30/06/2022	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2022	-	(340.090.400)	(340.090.400)
30/06/2022	-	(340.090.400)	(340.090.400)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2022	17.769.140.000	-	17.769.140.000
30/06/2022	17.769.140.000	-	17.769.140.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2022 số tiền: 340.090.400 đồng (Tại 01/01/2022 số tiền: 340.090.400 đồng)

**12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2022 VND	01/01/2021 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	5.388.703.214	5.388.703.214
+ Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.766.893.636	4.766.893.636
+ Công trình tại Trường Cao đẳng nghề Viettronics	621.809.578	621.809.578
	5.388.703.214	5.388.703.214

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>43.960.362.832</b>	<b>43.960.362.832</b>	<b>38.836.141.482</b>	<b>38.836.141.482</b>
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661
- Công ty TNHH truyền thông năng lượng Thái Lê	1.345.011.614	1.345.011.614	7.470.810.270	7.470.810.270
- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đại Phúc	2.238.649.060	2.238.649.060	7.320.027.060	7.320.027.060
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và thí nghiệm điện	1.518.980.773	1.518.980.773	6.833.502.476	6.833.502.476
- Công ty Cổ phần Kiến trúc và Môi trường	6.169.786.971	6.169.786.971	6.169.786.971	6.169.786.971
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.088.303.883	2.088.303.883	2.088.303.883	2.088.303.883
- Công ty Cổ phần YOTEK	25.709.446.160	25.709.446.160	-	-
- Phải trả người bán khác	2.535.433.710	2.535.433.710	6.598.960.161	6.598.960.161
	<b>43.960.362.832</b>	<b>43.960.362.832</b>	<b>38.836.141.482</b>	<b>38.836.141.482</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>4.443.054.544</b>	<b>4.443.054.544</b>	<b>4.443.054.544</b>	<b>4.443.054.544</b>
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.088.303.883	2.088.303.883	2.088.303.883	2.088.303.883

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

- Trả trước cho người bán ngắn hạn
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức
  - Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh
  - Công ty TNHH kỹ thuật và dịch vụ HEP
  - Công ty cổ phần YOTEK
  - Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP
  - Công ty Toplib Technology Solutions Limited
  - Trả trước cho người bán khác
- Trả trước cho người bán dài hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	24.559.309.999	(4.854.351.000)	26.281.743.947	(4.854.351.000)
	-	-	1.806.100.000	-
	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000	(4.854.351.000)
	2.654.050.150	-	2.654.050.150	-
	-	-	6.561.790.000	-
	8.085.575.570	-	8.085.575.570	-
	3.608.549.586	-	-	-
	5.356.783.693	-	2.319.877.227	-
	-	-	-	-
	<b>24.559.309.999</b>	<b>(4.854.351.000)</b>	<b>26.281.743.947</b>	<b>(4.854.351.000)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

**Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế thu nhập cá nhân
- Các loại thuế khác

01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
VND	VND	VND	VND
195.325.254	64.897.954	246.750.562	13.472.646
-	473.027.962	473.027.962	-
<b>195.325.254</b>	<b>537.925.916</b>	<b>719.778.524</b>	<b>13.472.646</b>
01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
VND	VND	VND	VND
45.130.503	-	-	45.130.503
<b>45.130.503</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45.130.503</b>

**Thuế và các khoản phải thu**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.643.804.869</b>	<b>8.698.019.232</b>
- Kinh phí công đoàn	88.421.030	37.054.869
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.491.105.163	8.660.964.363
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>3.176.513.300</i>	<i>3.276.213.300</i>
+ <i>Công ty Cổ phần Công trình Viettronics</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
+ <i>Nộp tiền đất Long An</i>	<i>1.302.400.000</i>	<i>1.302.400.000</i>
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.012.191.863</i>	<i>1.082.351.063</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>610.000.000</b>	<b>575.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	610.000.000	575.000.000
	<b>9.253.804.869</b>	<b>9.273.019.232</b>
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	3.000.000.000	3.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	1.584.030.426	1.584.030.426	2.494.367.530	10.910.337.104	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (*)	1.584.030.426	1.584.030.426	2.494.367.530	10.910.337.104	10.000.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
	<b>1.584.030.426</b>	<b>1.584.030.426</b>	<b>2.494.367.530</b>	<b>10.910.337.104</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch III theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 03/2021/3224800/HDDTD ngày 30/11/2021 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: 6,5%/năm
- Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào cuối kỳ. Lịch trả lãi định kỳ hàng tháng, vào ngày 15 hàng tháng;
- Mục đích vay: Thanh toán 55% giá trị HD số 0122/YOT195/VIETTRONICS - TOPLIB/AWL/VP - VT500KV - Dự án Vân Phong
- Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của hợp đồng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	438.000.000.000	38.679.596.792	(18.195.697.740)	458.483.899.052
- Lãi trong năm trước	-	-	4.343.575.669	4.343.575.669
31/12/2021	438.000.000.000	38.679.596.792	(13.852.122.071)	462.827.474.721
01/01/2022	438.000.000.000	38.679.596.792	(13.852.122.071)	462.827.474.721
- Lỗ trong kỳ	-	-	(13.320.424.091)	(13.320.424.091)
30/06/2022	438.000.000.000	38.679.596.792	(27.172.546.162)	449.507.050.630



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
- Các đối tượng khác	52.702.500.000	52.702.500.000
	<b>438.000.000.000</b>	<b>438.000.000.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
- <b>Lợi nhuận đã phân phối</b>	-	-

**18.4 CÁC QUỸ**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	38.679.596.792	38.679.596.792

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và lắp đặt	67.544.250.455	29.339.494.440
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.745.737.427	3.876.533.609
	<b>72.289.987.882</b>	<b>33.216.028.049</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn bán hàng, lắp đặt	66.078.381.663	28.710.663.913
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.070.044.528	699.992.297
	<b>67.148.426.191</b>	<b>29.410.656.210</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	732.135.505	940.179.396
Cổ tức và lợi nhuận được chia	6.029.920.000	3.402.336.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	10.491.416	870.030.679
	<b>6.772.546.921</b>	<b>5.212.546.075</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	137.257.698	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	84.360.338
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	13.066.840.491	(5.017.853.850)
	<b>13.204.098.189</b>	<b>(4.933.493.512)</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>11.845.070.954</b>	<b>11.790.407.001</b>
Chi phí nhân viên quản lý	6.300.412.922	7.300.865.496
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	5.754.318
Chi phí khấu hao	423.901.386	1.042.044.344
Thuế, phí lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	530.527.488	260.578.857
Chi phí bằng tiền khác	4.587.229.158	3.177.163.986
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>161.713.560</b>	<b>230.715.693</b>
Chi phí dự thầu	6.142.212	-
Chi phí bằng tiền khác	155.571.348	230.715.693
	<b>12.006.784.514</b>	<b>12.021.122.694</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng	-	48.168.627
Các khoản khác	-	51.967.874
	-	<b>100.136.501</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Phạt chất lượng hợp đồng		48.168.627
Các khoản chi phí khác	23.650.000	819.252
	<b>23.650.000</b>	<b>48.987.879</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.320.424.091)	1.981.437.354
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	6.029.920.000	3.402.336.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.029.920.000	3.402.336.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(19.350.344.091)	(1.420.898.646)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

**27. THÔNG TIN KHÁC**

**27.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	2.558,46	2.570,25
+ EUR	532,04	537,32

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**27.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập của HĐQT và Ban điều hành**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>
Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	207.520.000	188.864.435
Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách đến ngày 05/03/2021	-	199.232.000
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	148.968.182	134.550.000
Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT	189.560.000	162.172.000
Nguyễn Văn Đông	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	151.160.000	147.560.000
Phạm Nguyên Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	171.660.000	169.172.000
Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng	148.968.182	139.112.000
<b>Tổng</b>		<b>1.017.836.364</b>	<b>1.140.662.435</b>

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Cổ tức được chia</b>		<b>6.029.920.000</b>	<b>3.402.336.000</b>
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	3.327.480.000	672.520.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	Công ty con	1.530.000.000	1.530.000.000
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	85.550.000	112.926.000
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	1.086.890.000	1.086.890.000

**Số dư các bên liên quan**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu về cho vay</b>			
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	6.020.000.000	6.020.000.000
<b>Phải thu về cổ tức</b>			
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	3.327.480.000	3.327.480.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	Công ty con	1.530.000.000	-

**27.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tổng Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**27.4 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**27.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng

Mai Hải Vinh